Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-09-30 08:04:48 +07:00



**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2026/QĐ-TTg

*Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
## Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Nghị định số 247/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về công tác tái hòa nhập cộng đồng;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

**“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về chính sách tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội, bao gồm:

1. Người chấp hành xong án phạt tù được vay vốn để đào tạo nghề, sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

2. Cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù được vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 3 như sau:

“a) Người chấp hành xong án phạt tù: Có nhu cầu vay vốn; có tên trong danh sách người chấp hành xong án phạt tù về cư trú tại địa phương, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, không tham gia các tệ nạn xã hội, do Công an cấp xã lập và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận theo Mẫu số 01 kèm theo Quyết định này. Thời gian kể từ khi chấp hành xong án phạt tù đến thời điểm vay vốn tối đa là 10 năm. Trường hợp vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì người chấp hành xong án phạt tù đã ký kết hợp đồng với doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 như sau:

“3. Trường hợp người chấp hành xong án phạt tù và cơ sở sản xuất kinh doanh đang có dư nợ các chương trình tín dụng khác có cùng mục đích sử dụng vốn vay để đào tạo nghề và sản xuất kinh doanh, tạo việc làm thì tổng dư nợ cho vay của người chấp hành xong án phạt tù, cơ sở sản xuất kinh doanh theo Quyết định này và các chương trình tín dụng khác có cùng mục đích không vượt quá mức cho vay tối đa theo quy định tại Quyết định này”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Đối với người chấp hành xong án phạt tù

a) Thực hiện phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình của người chấp hành xong án phạt tù là người đứng tên vay vốn và giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội. Trường hợp trong hộ gia đình không còn thành viên nào từ đủ 18 tuổi trở lên hoặc thành viên còn lại không còn sức lao động, không có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thì người chấp hành xong án phạt tù trực tiếp đứng tên vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Riêng đối với người chấp hành xong án phạt tù là người lao động vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, Ngân hàng Chính sách xã hội áp dụng phương thức cho vay trực tiếp đến khách hàng”.

4. Bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

"3. Đối với vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động

Chi trả các khoản chi phí khách hàng phải trả trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo quy định được ghi trong hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ký kết giữa khách hàng và doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp được Nhà nước cho phép đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng".

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

"1. Đối với vay vốn để đào tạo nghề

Mức vốn cho vay tối đa là 10 triệu đồng/tháng/người chấp hành xong án phạt tù".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

"2. Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

a) Người chấp hành xong án phạt tù: Mức vốn cho vay tối đa là 200 triệu/người chấp hành xong án phạt tù;

b) Cơ sở sản xuất kinh doanh: Mức vốn cho vay tối đa là 10 tỷ đồng/dự án và không quá 200 triệu đồng/người lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh;

c) Người chấp hành xong án phạt tù, cơ sở sản xuất kinh doanh có thể vay vốn một hoặc nhiều lần để sản xuất, kinh doanh và tạo việc làm nhưng tổng số tiền vay không vượt quá mức vay tối đa theo quy định tại điểm a và b khoản này".

c) Bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:

"3. Đối với vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Mức cho vay tối đa là 100% tổng chi phí khách hàng phải trả trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp, không bao gồm các khoản chi đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định.

Căn cứ vào nguồn vốn, tổng chi phí người lao động phải trả trước khi đi làm việc ở nước ngoài, các khoản chi đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ kê khai tại hồ sơ vay vốn và khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận, thống nhất với đối tượng vay vốn để xem xét, quyết định mức vay cụ thể".

6. Bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:

"3. Đối với vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Thời hạn cho vay tối đa bằng thời hạn hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, không bao gồm thời gian gia hạn hợp đồng".

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

**"Điều 10. Bảo đảm tiền vay**

2. Đối với mức vay trên 200 triệu đồng, người chấp hành xong án phạt tù vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Chính sách xã hội về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ".

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

**"Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Khách hàng vay vốn có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Bộ Công an

a) Chỉ đạo các cơ sở giam giữ phạm nhân tổ chức việc tuyên truyền, phổ biến chính sách tại Quyết định này;

b) Chỉ đạo Công an các địa phương phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan tại địa phương tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù và cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù. Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình giám sát vốn vay và thu hồi nợ;

c) Chỉ đạo Công an cấp xã định kỳ vào ngày 05 hằng tháng lập và cung cấp danh sách người chấp hành xong án phạt tù có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận (theo Mẫu số 01 kèm theo Quyết định này) chuyển cho Ngân hàng Chính sách xã hội làm căn cứ cho vay;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan và Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc tổ chức, thực hiện Quyết định này; đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện và sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu thấy cần thiết).

3. Bộ Quốc phòng

Chỉ đạo các cơ sở giam giữ phạm nhân thuộc Bộ Quốc phòng tổ chức việc tuyên truyền chính sách tại Quyết định này.

4. Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Hướng dẫn các nội dung tại Điều 13 Quyết định này;

b) Quản lý, huy động và sử dụng nguồn vốn, thực hiện cho vay đúng đối tượng, điều kiện theo quy định của Quyết định này;

c) Phối hợp với các bộ, ngành báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, xã

a) Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định để cho vay theo Quyết định này;

b) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp ngân sách địa phương hàng năm ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc xác nhận về đối tượng và điều kiện thụ hưởng chính sách quy định tại Điều 3 Quyết định này theo đề nghị của Công an cấp xã;

d) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tuyên truyền chính sách, tổ chức, giám sát triển khai thực hiện Quyết định này".

7. Sửa đổi Mẫu số 01, Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Khách hàng vay vốn đã ký hợp đồng tín dụng theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì các bên tiếp tục thực hiện theo các nội dung quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Trường hợp khách hàng vay vốn đã được vay vốn theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg nếu đủ điều kiện, có nhu cầu thì tiếp tục được vay vốn với mức vốn cho vay theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 11 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**KT. THỦ TƯỚNG**
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Văn Thắng**

**Phụ lục**

*(Kèm theo Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

| | |
|---|---|
| Mẫu số 01 | Danh sách người chấp hành xong án phạt tù có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội |
| Mẫu số 02 | Phương án vay vốn (Của cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù) |

**Mẫu số 01**

CÔNG AN TỈNH/TP …….....([1])
**CÔNG AN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU .....([2])**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……, ngày ……. tháng ..... năm .....*

# DANH SÁCH
## Người chấp hành xong án phạt tù có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội

| STT | Họ và tên | Giới tính *(1: Nam, 2: Nữ)* | Ngày, tháng, năm sinh | Căn cước công dân([3]) | Ngày, tháng, năm chấp hành xong án phạt tù | Địa chỉ cư trú ([4]) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn A | | | | | |
| 2 | Trần Văn B | | | | | |
| 3 | Nguyễn Thị C | | | | | |
| 4 | ……. | | | | | |
| … | …….. | | | | | |
| **Tổng cộng:** | | | | | | |

**NGƯỜI LẬP BIỂU**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**TRƯỞNG CÔNG AN ……..([2])**
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN …….. ([2])**
**CHỦ TỊCH**
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

[1] Công an tỉnh, thành phố.
[2] Tên xã, phường, đặc khu; tỉnh, thành phố nơi người chấp hành xong án phạt tù đang cư trú.
[3] Ghi rõ số, ngày cấp, nơi cấp.
[4] Ghi rõ địa chỉ cụ thể: Số nhà; đường phố, xóm; thôn/tổ dân phố; xã, phường, đặc khu; tỉnh, thành phố nơi người chấp hành xong án phạt tù đang cư trú.

**Mẫu số 02**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# PHƯƠNG ÁN VAY VỐN
***(Của cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù)***

Kính gửi:

- Chi nhánh/PGD Ngân hàng Chính sách xã hội ……([1])
- Ủy ban nhân dân:…….. ([2])

……([3]) trình bày/báo cáo về phương án vay vốn có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù, sau đây:

## I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh: .....

.....

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

.....

3. Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: .....

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:

Ngày cấp: .....Cơ quan cấp: .....

Hoặc hợp đồng hợp tác số: .....

5. Họ và tên người đại diện: .....Chức vụ: .....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Quyết định bổ nhiệm số: ..... Ngày: ..... Do: ..... quyết định

Hoặc giấy ủy quyền số: ..... Ngày: ..... Do: ..... ủy quyền

---

[1] Tên chi nhánh/phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

[2] Tên Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu nơi cơ sở sản xuất kinh doanh có phương án.

[3] Tên doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù.

6. Mã số thuế: .....

7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: ..... đồng.

**II. THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN**

1. Nội dung phương án vay vốn:

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo: .....

+ Chi phí mở rộng, cải tạo: .....

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

- Thời gian thực hiện: Từ tháng.....năm.....đến tháng ….. năm .....

2. Phương án sử dụng lao động:

Tổng số lao động:……..người, trong đó:

- Số người lao động là người chấp hành xong án phạt tù:…….người.

3. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án:

Tổng số:…… đồng *(Bằng chữ: …….. đồng).* Trong đó,

- Vốn tự có:..... đồng

- Vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội:..... đồng.

**III. ĐỀ NGHỊ VAY VỐN**

1. Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn.

Số tiền: ..... ……đồng.

*(Bằng chữ*: ……).

2. Mục đích sử dụng vốn vay như sau:

| STT | Mục đích sử dụng vốn vay | Số lượng | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |
| … | | | |
| … | | | |

3. Thời hạn vay vốn: …… tháng.

4. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng:

- Từ khấu hao: ..... đồng;

- Lợi nhuận và các nguồn khác: ..... đồng;

5. Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm:…… đồng, trong đó:

- Trả nợ gốc: ..... đồng;

- Trả lãi: ……..... đồng.

6. Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có)

| STT | Tên tài sản | Số lượng | Giá trị ước tính *(đồng)* | Giấy tờ về tài sản |
|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3<br>…<br>… | | | | |

**IV. CAM KẾT SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

……([3]) cam kết sử dụng thường xuyên tối thiểu 10% số lao động là người chấp hành xong án phạt tù. Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh không sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù hoặc sử dụng không đủ số lượng lao động là người chấp hành xong án phạt tù thì cơ sở sản xuất kinh doanh có trách nhiệm hoàn trả hoặc không được tiếp cận nguồn vốn vay này.

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*....., ngày ... tháng ... năm ...*
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN**
*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN**
**……([2])**
Cơ sở sản xuất kinh doanh……..
……
có phương án được thực hiện tại địa phương.
*....., ngày ……tháng …… năm ……..*
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**
*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*